

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày: 12 - 4 - 2022
V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H.

2. Ông Nguyễn T.

- Thư ký phiên toà: bà Đặng H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-DS ngày 15/3/2021 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXX-DS ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Hồ Phước V , sinh năm 1987. (Có mặt).

Địa chỉ: khóm M, phường M, thành phố L , tỉnh A .

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T (Nguyễn Văn T), sinh năm 1990. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Phú T , huyện T , tỉnh A .

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Hồ Thị Mỹ D , sinh năm 1994. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã Phú T , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 12/5/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Hồ Phước V trình bày: anh Nguyễn Văn T (Tô) là em rể của anh Hồ Phước V . Trước đây, anh V có cho anh T mượn 100.000.000 đồng để nuôi lợn, không làm biên nhận, hứa sau khi

thu hoạch lương sẽ trả (khi mượn tiền thì anh T và chị Hồ Thị Mỹ D (chị D là em gái của anh V) vẫn chưa ly hôn). Do anh V thường xuyên đi làm xa nên vào năm 2017 anh V có kêu chị Hồ Thị Mỹ D làm 01 thẻ ATM, sau đó anh gửi tiền vào tài khoản cho chị D giữ với tổng số tiền là 270.000.000 đồng, số tiền này để lo cho cha mẹ khi ốm đau. Đến tháng 6 năm 2019, anh V cần tiền nên kêu chị D rút 270.000.000 đồng thì anh T nói là đã rút hết số tiền trên cho cậu của anh T mượn, 02 tháng sẽ trả lại. Đến ngày 21/01/2020, anh T (Tô) có làm tờ thỏa thuận thừa nhận có nợ anh V tổng số tiền 370.000.000 đồng và có hứa sẽ bán nhà trả tiền nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Nay anh V yêu cầu anh T và chị D có trách nhiệm liên đới trả cho anh số tiền mượn để nuôi lương là 100.000.000 đồng (anh T trả 50.000.000 đồng; chị D trả 50.000.000 đồng). Đối với số tiền 270.000.000 đồng, anh V yêu cầu anh T tự chịu trách nhiệm trả. Anh V không yêu cầu tính lãi cả hai khoản tiền nêu trên.

Tại Tờ tự khai ngày 11/5/2021, biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: anh thừa nhận, khi anh và chị D chưa ly hôn thì anh có mượn của anh V 100.000.000 đồng để nuôi lương. Ngoài ra, anh V có đưa tiền cho vợ chồng anh mở thẻ ATM và sau đó anh V cũng đã nhiều lần chuyển tiền vào tài khoản cho vợ chồng anh giữ tổng số là 270.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng thì chị D nhiều lần kêu anh T rút tiền trong thẻ ATM về đưa cho chị D. Trong thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T có ký tên vào tờ thỏa thuận lập ngày 21/01/2020 nợ anh V 370.000.000 đồng để vợ chồng cùng lo trả dần cho anh V. Anh T và chị D đã ly hôn theo Bản án số 95/2020/HNGĐ-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A.

Nay anh V yêu cầu anh T và chị D liên đới trả cho anh V 100.000.000 đồng thì anh đồng ý trả (mỗi người có trách nhiệm trả cho anh V 50.000.000 đồng) nhưng yêu cầu được trả dần đến ngày 17/5/2022 sẽ trả đủ. Riêng số tiền 270.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì khi mượn tiền thì vợ chồng chưa ly hôn và sử dụng sinh hoạt chung trong gia đình nên yêu cầu chị D liên đới cùng anh trả số tiền trên (mỗi người trả cho anh V 135.000.000 đồng). Tại phiên tòa, anh T xác định số tiền 270.000.000 đồng do anh chi xài cá nhân nên tự chịu trách nhiệm trả số tiền này cho anh V, không yêu cầu chị D liên đới.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Mỹ D trình bày: chị D và anh T đã ly hôn theo Bản án số 95/2020/HNGĐ-ST ngày 15/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện T. Khi chị và anh T chưa ly hôn, anh T có mượn của anh V 100.000.000 đồng để nuôi lương, không tính lãi suất và cũng không làm biên nhận. Tuy nhiên, do nuôi lương không hiệu quả nên đến nay chưa trả số tiền này cho anh V. Ngoài ra, do anh V thường xuyên đi xa nhà nên có kêu chị D mở thẻ ATM, sau đó anh V chuyển tiền vào tài khoản, dự phòng khi cha mẹ ốm đau thì rút tiền lo cho cha mẹ. Tuy nhiên, anh T đã tự ý lấy thẻ ATM và rút 270.000.000 đồng để chơi games, đến khi anh V có nhu cầu lấy lại tiền thì mới biết anh T đã rút hết tiền trong tài khoản. Nay anh V yêu cầu chị D và anh T liên đới trách nhiệm trả 100.000.000 đồng (mỗi người trả 50.000.000 đồng) và yêu cầu anh T trả 270.000.000 đồng rút từ thẻ ATM thì chị D có ý kiến như sau:

- Đối với số tiền 100.000.000 đồng mượn của anh V để nuôi lợn thì chị D đồng ý liên đới trách nhiệm với anh T trả số tiền trên cho anh V (mỗi người chịu trách nhiệm trả 50.000.000 đồng). Do hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nên chị D yêu cầu anh V cho trả dần đến ngày 17/5/2022 sẽ trả đủ số tiền trên.

- Đối với số tiền 270.000.000 đồng thì chị D không đồng ý liên đới trách nhiệm với anh T vì anh T tự ý rút hết 270.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân, không sử dụng vào mục đích chung trong gia đình.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc anh Nguyễn Văn T (T) và chị Hồ Thị Mỹ D cùng có trách nhiệm trả cho anh Hồ Phước V số tiền 100.000.000 đồng (mỗi người trả 50.000.000 đồng); buộc anh Nguyễn Văn T (Tô) có trách nhiệm trả cho anh Hồ Phước V 270.000.000 đồng.

- Về lãi suất: không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: anh Nguyễn Văn T (T) và chị Hồ Thị Mỹ D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T (T) có địa chỉ tại ấp H, xã Phú T, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại đơn khởi kiện, anh V yêu cầu anh T có nghĩa vụ trả cho anh 370.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh V thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Theo đó, yêu cầu anh Nguyễn Văn T (T) và chị Hồ Thị Mỹ D

cùng có trách nhiệm trả cho anh V 100.000.000 đồng (mỗi người trả 50.000.000 đồng); ngoài ra, anh V yêu cầu anh T có trách nhiệm trả cho anh V 270.000.000 đồng. Các khoản tiền nêu trên, anh V không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Tờ thỏa thuận về việc cho mượn tiền được lập ngày 21/01/2020 do anh Nguyễn Văn T (T) ký nhận, với nội dung anh Hồ Phước V cho anh Nguyễn Văn T mượn 100.000.000 đồng và 270.000.000 đồng rút tiền từ thẻ ATM.

[2.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn T thừa nhận anh có ký tên vào Tờ thỏa thuận về việc cho mượn tiền lập ngày 21/01/2020. Theo đó, anh có mượn của anh Hồ Phước V 100.000.000 đồng để nuôi lợn và rút 270.000.000 đồng trong thẻ ATM để đưa cho chị Hồ Thị Mỹ D sử dụng chung trong gia đình. Do vậy, anh T yêu cầu chị D cùng liên đới trách nhiệm với anh trả cho anh V 370.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên yêu cầu anh V cho trả dần số nợ nêu trên.

[2.2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hồ Thị Mỹ D đồng ý liên đới trách nhiệm với anh T trả cho anh V 100.000.000 đồng (mỗi người trả cho anh V 50.000.000 đồng). Riêng số tiền 270.000.000 đồng do anh T tự rút trong thẻ ATM của anh V và chi xài cá nhân nên chị D không đồng ý liên đới trách nhiệm với anh T.

[3] Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm 02 khoản tiền:

[3.1] Đối với số tiền 100.000.000 đồng nguyên đơn yêu cầu anh T và chị D mỗi người có trách nhiệm trả 50.000.000 đồng. Anh T và chị D đều thừa nhận có vay của anh V để phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình và đồng ý mỗi người trả cho anh V 50.000.000 đồng; đồng thời xin được trả dần nhưng không được anh V đồng ý. Xét thấy, anh T và chị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh V khởi kiện là có căn cứ nên phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 100.000.000 đồng (anh T và chị D mỗi người có nghĩa vụ trả 50.000.000 đồng).

[3.2] Đối với số tiền 270.000.000 đồng, nguyên đơn anh V yêu cầu bị đơn anh T chịu trách nhiệm trả số tiền này cho nguyên đơn.

Anh T thừa nhận có rút trong thẻ ATM của anh V 270.000.000 đồng nhưng cho rằng số tiền này anh T đưa cho chị D sử dụng chi xài trong thời kỳ hôn nhân nên yêu cầu chị D cùng liên đới trách nhiệm với anh T (mỗi người chịu trách nhiệm trả 135.000.000 đồng). Tuy nhiên tại phiên tòa, anh T thừa nhận số tiền 270.000.000 đồng là do anh tự rút và chi xài cá nhân nên anh tự chịu trách nhiệm trả số tiền này, không yêu cầu chị D liên đới trả. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh T xin trả dần nhưng anh V không đồng ý. Xét thấy, anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh V yêu cầu trả số tiền 270.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Phước V tổng số tiền là 320.000.000 đồng (trong đó: 270.000.000 đồng rút tiền từ thẻ ATM + 50.000.000 đồng mượn để nuôi lợn); buộc chị Hồ Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho anh Hồ Phước V 50.000.000 đồng.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Nguyễn Văn T và chị Hồ Thị Mỹ D bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Anh Hồ Phước V không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Phước V.

1.1. Buộc anh Nguyễn Văn T (T) có nghĩa vụ trả cho anh Hồ Phước V số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

1.2. Buộc chị Hồ Thị Mỹ D có nghĩa vụ trả cho anh Hồ Phước V 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

1.3. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Anh Nguyễn Văn T (T) phải chịu 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.1. Chị Hồ Thị Mỹ D phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.3. Anh Hồ Phước V không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 9.250.000 đồng (chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008251, ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H